TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: **26**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bồ Quốc Khánh;

Ông Nguyễn Trọng Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên *tham gia phiên tòa*: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ T, ấp MĐ, xã BM, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976; cư trú tại: Khu phố CX, thị trấn TB, huyện B, tỉnh Bình Dương.

(Các đương sự vắng mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Thanh T chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện B, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 16 tháng 11 năm 2022.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau đó thì vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc tính tình không hợp nhau và quan điểm sống quá khác biệt. Anh Nguyễn Thanh T thường xuyên đi nhậu, không biết chăm lo cho gia đình, vợ

con; chị Bùi Thị Th đã nhiều lần tạo điều kiện cho anh Nguyễn Thanh T sửa đổi, nhưng không có kết quả. Vì vậy, khoảng gần 01 năm nay thì chị Bùi Thị Th đã về sinh sống tại xã BM, huyện B, còn anh Nguyễn Thanh T vẫn sinh sống tại thị trấn TB, huyện B, nên vợ chồng sống ly thân từ đó và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Chị Bùi Thị Th nhận thấy rằng sẽ khó có thể tiếp tục xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc như mong muốn trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng như vậy và nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ còn ràng buộc với nhau về mặt pháp lý nên chị Bùi Thị Th yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- *Về con chung*: Chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Thanh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 16/10/2009. Từ khi ly thân, cháu Nguyễn Thanh T1 đang trực tiếp sinh sống với anh Nguyễn Thanh T nên sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Th đồng ý giao con chung cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Thanh T tự thỏa thuận về phần cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Bùi Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T được.

[3] *Tại phiên tòa*,

- Nguyên đơn chị Bùi Thị Th vắng, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh T là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do, nguyên đơn chị Bùi Thị Th có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 10 tháng 5 năm 2023, chị Bùi Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T; đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 16/10/2009 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi

dưỡng nên đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn anh Nguyễn Thanh T đang cư trú tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Th có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Th và anh T chung sống với nhau từ năm 2009, đến ngày 16 tháng 11 năm 2022 chị Th và anh T mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Việc, chung sống và đăng ký kết hôn giữa chị Th và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó hôn nhân giữa chị Th và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị Th xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên đi nhậu, không biết chăm lo cho gia đình, vợ con; chị Th đã nhiều lần tạo điều kiện cho anh Nguyễn Thanh T sửa đổi, nhưng không có kết quả. Vì vậy mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; khoảng gần 01 năm nay thì chị Th đã về sinh sống tại xã BM, huyện B, còn anh T vẫn sinh sống tại thị trấn TB, huyện B, vợ chồng sống ly thân nên từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Việc, chị Th và anh T không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần mời anh T đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ, nhưng anh T luôn vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ anh T không mong muốn đoàn tụ gia đình.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa chị Th và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh T.

[2.2] *Về con chung*: Chị Th và anh T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 16/10/2009. Sau khi ly hôn, chị Th đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc nên không biết nguyện vọng của anh T về phần con chung là như thế nào. Tuy nhiên, từ khi chị Th và anh T sống ly thân với nhau thì cháu T1 vẫn đang trực tiếp chung sống với anh T và cháu T1 có nguyện vọng tiếp tục được chung sống với

anh T. Vì vậy, cần giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp nên yêu cầu của chị Th về phần con chung được chấp nhận.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là có cơ sở.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Th về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

1.2. *Về con chung*: Anh Nguyễn Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 16/10/2009.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị Th đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010404 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND thị trấn TB, huyện B, tỉnh Bình Dương ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng